

Số: /QĐ - SYT

Hoà Bình, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám, chữa bệnh
lần 09 tại Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc (Mã Hồ sơ H28.07-240703-0006) ngày 03/7/2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh lần 09 tại Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc theo bảng danh mục kỹ thuật đính kèm, bao gồm: 105 kỹ thuật (trong đó 48 danh mục kỹ thuật đúng tuyến và 57 danh mục kỹ thuật vượt tuyến).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng thuộc Sở Y tế, Giám đốc TTYT huyện Đà Bắc căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như trên Điều 3;
- GD, PGDĐT (để b/c);
- Lưu: VT, NVY.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Tiến

SỞ Y TẾ TỈNH HÒA BÌNH

DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYỂN PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 9

TTYT HUYỆN ĐÀ BẮC

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2024 của Sở Y tế)

STT	STT THEO TT43,21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
1	8	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	x	x	x	
2	69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
3	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
4	130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
5	131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
6	132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
7	133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
8	134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
9	135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ	x	x	x	
10	136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
11	137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
12	138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
13	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x	
14	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
		III. NHI KHOA				
15	1697	Bóc giả mạc	x	x	x	
16	1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
17	1930	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	
18	1931	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
19	1938	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) quang trùng hợp	x	x	x	
20	1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
21	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
22	2071	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x	x	

23	2538	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm	x	x	x	
24	2967	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dưới 5cm: Cắt khâu đơn giản	x	x	x	
25	2968	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Cắt khâu đơn giản	x	x	x	
26	3904	Mở khoang và giải phóng mạch bị chèn ép của các chi	x	x	x	
27	4193	Đo độ bão hòa oxy máu qua da	x	x	x	x
X. NGOẠI KHOA						
28	569	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	x	x	x	
XI. BÔNG						
29	159	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	x	x	x	
30	161	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín	x	x	x	
31	162	Phẫu thuật ghép da mảnh điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
XIV. MẮT						
32	166	Lấy dị vật giác mạc sâu	x	x	x	
33	192	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x	x	
34	214	Bóc giả mạc	x	x	x	
35	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x	
36	258	Đo khúc xạ máy	x	x	x	
XVI. RĂNG - HÀM - MẶT						
37	224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
38	315	Gây tê vùng điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x	x	x	
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG						
39	127	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi	x	x	x	x
40	196	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi bằng kỹ thuật ASQ	x	x	x	
41	199	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV	x	x	x	x
42	204	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth (MAS)	x	x	x	x
43	208	Nghiệm pháp đi 6 phút	x	x	x	x
44	209	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili	x	x	x	x
45	210	Nghiệm pháp Tinetti	x	x	x	x
46	211	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi	x	x	x	x
47	212	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói	x	x	x	x
48	250	Tập do cứng khớp	x	x	x	x

Tổng số: 48 Danh mục kỹ thuật đúng tuyến

SỞ Y TẾ TỈNH HÒA BÌNH

DANH MỤC KỸ THUẬT VƯỢT TUYỂN PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 9

TTYT HUYỆN ĐÀ BẮC

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2024 của Sở Y tế)

STT	STT THEO TT 43, 21	Tên theo danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
1	290	Xét nghiệm cặn trong hơi thở	x	x		
		III. NHI KHOA				
2	1059	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	x	x		
3	1056	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	x	x		
4	186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	x	x		
5	256	Đo lưu huyết não	x	x		
6	1591	Chích mù mắt	x	x		
7	2043	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mắt	x	x		
8	2049	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm trên	x	x		
9	2050	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x		
10	2052	Phẫu thuật cắt nang do răng xương hàm dưới	x	x		
11	2053	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
12	2055	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x		
13	2056	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	x	x		
14	2413	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay	x	x		
15	2496	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên	x			
16	2455	Cắt u da đầu lạnh, đường kính từ 5 cm trở lên	x	x		
17	2763	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x		
18	3702	Cắt dị tật bẩm sinh về bàn và ngón tay	x	x		
19	3704	Phẫu thuật viêm tấy bàn tay, cả viêm bao hoạt dịch	x	x		
20	3326	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	x	x		
21	3341	Phẫu thuật Longo	x	x		
22	3529	Dẫn lưu bằng quang trên xương mu bằng ống thông	x	x		
23	3918	Phẫu thuật lấy dị vật thành ngực, thành bụng	x	x		
24	3920	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	x	x		
25	4078	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	x	x		
26	4079	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	x	x		
		IX. GÂY Mê HỒI SỨC				

27	227	Gây mê nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		
28	228	Gây mê nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
29	229	Gây mê nội soi buồng tử cung, nạo buồng tử cung	x	x		
30	326	Gây mê phẫu thuật cắt buồng trứng 2 bên	x	x		
	X. NGOẠI KHOA					
31	562	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn	x			
	XIII. PHỤ SẢN					
32	4	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	x	x		
	XVI. RĂNG - HÀM - MẶT					
33	51	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
34	219	Cấy chuyển răng	x	x		
35	294	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x		
36	295	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x		
37	297	Phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hỏa khí	x	x		
38	329	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm trên	x	x		
39	332	Phẫu thuật cắt nang không do răng xương hàm dưới	x	x		
40	333	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt	x	x		
41	336	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	x	x		
	XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG					
42	79	Kỹ thuật di động khớp	x	x		
43	80	Kỹ thuật di động mô mềm	x	x		
	XVIII. ĐIỆN QUANG					
44	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
45	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
46	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x		
47	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
48	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
49	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
50	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
51	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
52	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
53	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
54	60	Siêu âm Doppler dương vật	x			
	XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP					
55	58	Nội soi tiêu hóa với gây mê (dạ dày - đại tràng)	x	x		

56	67	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	x	x		
57	68	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	x	x		

Tổng số: 57 danh mục kỹ thuật vượt tuyến